

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29^A/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/10/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Châu

2. Bà Phạm Thị Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Phương - Kiểm sát viên

Ngày 29/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/7/2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị T**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Lưu Đức V**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Tạ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lưu Đức V trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/11/2008. Sau ngày cưới, anh chị chung sống đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và trong việc phát triển kinh tế gia đình. Do không thể giải quyết được mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2009 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, không còn tình cảm vợ chồng và không thể kéo dài quan hệ hôn nhân với anh V được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lưu Thùy D, sinh ngày 30/8/2009, chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của con và chị tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Lưu Đức V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với trình bày của chị T về điều kiện kết hôn của anh chị. Về tình trạng hôn nhân, anh xác định anh với chị T sống ly thân từ tháng 6/2010 đến nay, chứ không phải từ cuối năm 2009 đến nay như chị T đã khai. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị T, nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lưu Thùy D, sinh ngày 30/8/2009, do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đưa ra quan điểm về việc nuôi con con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Tạ Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Lưu Đức V thay đổi ý kiến tình trạng hôn nhân của anh chị: Anh xác định anh chị có mâu thuẫn đã trầm trọng, ly thân kéo dài, không thể tiếp tục tồn tại quan hệ hôn nhân, nên nhất trí ly hôn và có quan điểm về việc nuôi con: Anh khai làm nghề lái xe thuê, hay phải đi vắng nhà nhưng có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con, nên có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản: Giữ nguyên ý kiến, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21, 232, 262 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Tạ Thị T với bị đơn anh Lưu Đức V; giao con chung Lưu Thùy D cho chị Tạ Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tạ Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung giữa chị với anh Lưu Đức V, cư trú tại: Thôn T, xã N,

huyện N, tỉnh Hải Dương; quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị T nộp đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị T và anh Lưu Đức V tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N vào ngày 03/11/2008; quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hòa hợp trong cuộc sống hằng ngày và trong việc phát triển kinh tế gia đình. Do không thể giải quyết được mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Anh V xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, ly thân kéo dài, không thể kéo dài quan hệ hôn nhân, nên nhất trí ly hôn. Tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, thể hiện: Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2010. Đến nay, mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã trầm trọng, kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Giữa chị T và anh V mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tạ Thị T và anh Lưu Đức V.

[3] Về con chung: Chị T và anh V có một con chung là Lưu Thùy D, sinh ngày 30/8/2009. Anh chị đều có nguyện vọng nuôi con và đều phải nhờ vào gia đình trong việc nuôi dưỡng con, nên anh chị có điều kiện nuôi con như nhau. Tuy nhiên, xét thấy đề nghị của chị T phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị T, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tạ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 55; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tạ Thị T và anh Lưu Đức V.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Lưu Thùy D, sinh ngày 30/8/2009 cho chị Tạ Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, không yêu cầu anh Lưu Đức V cấp dưỡng nuôi con. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản*: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Tạ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/0004812 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/10/2018.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- UBND xã N, huyện N (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính